

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 0301665671-005

Đăng ký lần đầu, ngày 24 tháng 04 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 06 tháng 05 năm 2020

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH TRẢNG BOM - CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÌNH TÂY

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Khu 1, ấp An Hòa, Xã Tây Hoà, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0902836719

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: **LÊ THỊ GIÀU**

Giới tính: **Nữ**

Sinh ngày: **01/04/1959**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy chứng thực cá nhân: **079159003794**

Ngày cấp: **20/07/2017**

Nơi cấp: **Cục Trưởng Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư Trú
và DLQG về Dân Cư**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **137A, KP3, Tổ 26, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

Chỗ ở hiện tại: **137A, KP3, Tổ 26, Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

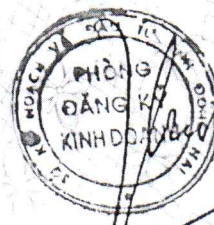
Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÌNH TÂY**

Mã số doanh nghiệp: **0301665671**

Địa chỉ trụ sở chính: **Khu A, Lô L01-03-05-07-09a Đường số 8, KCX Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**

TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

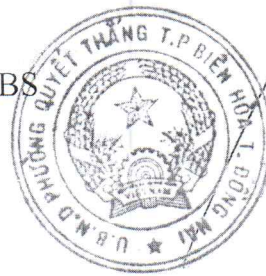


Đỗ Quốc Thịnh

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 1701/ĐT Quyền số: 01/2024-SCTĐT/BS

Ngày 21 tháng 05 năm 2024



PHÓ CHỦ TỊCH
Dặng Quốc Bình

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 2 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Chi nhánh Trảng Bom - Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây số 16/2025/CV-CNTB ngày 03 tháng 6 năm 2025 có đính kèm phụ lục nội dung chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án: Xưởng sản xuất chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu, công suất 4.600 tấn sản phẩm/năm.

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường tại tờ trình số 105/TTr-NNMT ngày 12 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Chi nhánh Trảng Bom - Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây, địa chỉ tại KCN Bàu Xéo, khu 1, ấp An Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Xưởng sản xuất chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu, công suất 4.600 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: KCN Bàu Xéo, Khu 1, ấp An Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chi nhánh, mã số: 0301665671-005 đăng ký lần đầu ngày 24/4/2019, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06/5/2020 do phòng Đăng ký Kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 0301665671-005

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích 70.663,1 m².

- Nhóm dự án: Nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Công suất: 4.600 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất:

+ Quy trình sản xuất mì ăn liền: Nguyên liệu (Bột mì) → Định lượng → Trộn bột → Cán và cắt sợi → Hấp chín → Cắt định lượng và vô khuôn → Chiên chín bằng chảo chiên → Giải nhiệt bằng quạt → Phân loại mì → Đóng gói sản phẩm + gói gia vị → Lưu kho chờ xuất hàng.

+ Quy trình sản xuất ống hút gạo: Nguyên liệu (Bột gạo, bột ngũ cốc) → Cân định lượng, pha trộn → Ép đùn → Làm nguội → Cắt phân đoạn → Sấy sơ bộ, làm nguội → Sấy khô → Đóng gói, lưu kho.

+ Quy trình sản xuất miến: (1) + (2) → Trộn bột → Định hình → Hấp chín → Làm nguội và cắt → Cấp đông → Giải đông và cắt → Vô khuôn và sấy → Đóng gói sản phẩm → Dò kim loại → Lưu kho chờ xuất hàng.

(1): Bột khoai tây → Thùng chứa định lượng.

(2): Bột đậu xanh → Thùng chứa định lượng.

+ Quy trình sản xuất gói gia vị: Nguyên liệu (Muối, đường, bột ngọt, tiêu, hành sấy, ớt,...) → Định lượng → Phối trộn → Đóng gói → Gói gia vị muối.

+ Quy trình sản xuất gói gia vị dầu: Nguyên liệu (Dầu thực vật, gia vị) → Gia nhiệt → Lọc → Đóng gói.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chi nhánh Trảng Bom - Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chi nhánh Trảng Bom - Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm,

tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 11... tháng 6... năm 2025 đến ngày 11... tháng 6... năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *nam*

Nơi nhận: /

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, phó Chánh Văn phòng;
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường;
- Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin;
- Chi nhánh Trảng Bom - Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây tại Đồng Nai;
- UBND xã Tây Hoà;
- Công ty Cổ phần Thống Nhất;
- Lưu: VT, TH, P.NNMT.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Mạnh Hùng

CHỨNG THỰC BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực..... Quyển số..... SCT/BS

Ngày... 04 - 08 - 2025

CÔNG CHỨNG VIÊN



Nguyễn Xuân Chung

Phụ lục 1

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 137 /GPMT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Trảng Bom)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau khi xử lý được đầu nối vào vệ thống thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bàu Xéo, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Chủ dự án và Công ty Cổ phần Thống Nhất (là đơn vị quản lý và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bàu Xéo) đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số 63/2024/HĐXLNT-CPTN ngày 30/12/2024.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bàu Xéo: Phải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN Bàu Xéo theo hợp đồng, thỏa thuận giữa Chủ dự án và đơn vị quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Bàu Xéo.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh cá nhân (nước từ nhà vệ sinh, từ khu vực rửa tay) của cán bộ công nhân viên của công ty với lưu lượng 32 m³/ngày được dẫn qua 04 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ. Nước thải sau xử lý sơ bộ theo đường thoát nước PVC Ø400mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án công suất 200 m³/ngày đêm xử lý.

- Nguồn số 2: Nước thải sản xuất từ các nhà xưởng sản xuất với lưu lượng 92,5 m³/ngày được thu gom bằng đường ống PVC Ø400mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án công suất 200 m³/ngày đêm xử lý.

- Nguồn số 3: Nước thải từ quá trình rửa lọc hệ thống làm mềm nước cấp với lưu lượng 1,0 m³/ngày được thu gom bằng đường ống PVC Ø400mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án công suất 200 m³/ngày đêm xử lý.

- Nguồn số 4: Nước thải từ quá trình xả đáy lò hơi với lưu lượng 4,0 m³/ngày được thu gom bằng đường ống PVC Ø140mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án công suất 200 m³/ngày đêm xử lý.

- Nguồn số 5: Nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, nhà xưởng với lưu lượng 60 m³/ngày được thu gom bằng đường ống PVC Ø400mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải của dự án công suất 200 m³/ngày đêm xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Sơ lược quy trình thu gom, xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn + Nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bồn trung hòa + Lắng sơ bộ → Bể UASB → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể trung gian 1 → Bồn hóa lý + lắng → Bể trung gian 2 → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Bàu Xéo.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày đêm.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, PAC, Polymer và Chlorine.
- Chế độ xả nước thải: Liên tục.

- Phương thức xả thải, vị trí đầu nối:

+ Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

+ Vị trí và tọa độ điểm đầu nối: 01 điểm tại vị trí hồ ga tập trung trước khi đầu nối với KCN Bàu Xéo nằm trên đường số 7A của KCN Bàu Xéo. Tọa độ: X = 1211448.503; Y = 422292.467 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước, hồ ga để tăng khả năng tiêu thoát nước và thu gom, loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước; hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 200m³/ngày.đêm.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm: 01 điểm tại vị trí hồ ga tập trung trước khi đầu nối với KCN Bàu Xéo nằm trên đường số 7A của KCN Bàu Xéo. X = 1211448.503; Y = 422292.467 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 7 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm e, khoản 8, Điều 1 Thông tư 07/2025/BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Bàu Xéo và biện pháp kiểm soát, giám sát nước thải theo thỏa thuận giữa Chủ dự án và Công ty Cổ phần Thống Nhất (đơn vị đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Xéo), không được xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật.

3.4. Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án. Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.



Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 136/GPMT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Trảng Bom)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải từ ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.
- Nguồn số 02: Hơi, nhiệt thừa từ quá trình hấp chín ở dây chuyền sản xuất miễn số 01 (thoát hơi, không qua xử lý).
- Nguồn số 03: Hơi, nhiệt thừa từ quá trình hấp chín ở dây chuyền sản xuất miễn số 02 (thoát hơi, không qua xử lý).
- Nguồn số 04: Hơi, nhiệt thừa từ quá trình hấp chín ở dây chuyền sản xuất miễn số 03 (thoát hơi, không qua xử lý).
- Nguồn số 05: Hơi, nhiệt thừa từ quá trình sấy khô ở dây chuyền sản xuất miễn số 01 (thoát hơi, không qua xử lý).
- Nguồn số 06: Hơi, nhiệt thừa từ quá trình sấy khô ở dây chuyền sản xuất miễn số 02 (thoát hơi, không qua xử lý).
- Nguồn số 07: Hơi, nhiệt thừa từ quá trình sấy khô ở dây chuyền sản xuất miễn số 03 (thoát hơi, không qua xử lý).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°):

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng ống thoát khí sau HTXL khí thải lò hơi (nguồn số 01). Lưu lượng xả thải lớn nhất là: $25.000 \text{ m}^3/\text{h}$. Tọa độ: $X = 1211767.976$; $Y = 422323.276$ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $25.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$

2.3. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải, xả thải liên tục khi phát sinh.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải của dự án) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I	Dòng khí thải số 01				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng thực hiện	Không thuộc đối tượng thực hiện
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
3	CO	mg/Nm ³	900		
4	SO ₂	mg/Nm ³	450		
5	NO _x	mg/Nm ³	765		

Ghi chú:

(1) Giá trị giới hạn cho phép theo: QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và $K_p = 0,9$) và QCVN 20:2009/BTNMT.

(2) Chủ dự án vẫn phải thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải).

* Chủ dự án rà soát, thực hiện theo QCVN 19:2024/BTNMT (ban hành kèm theo Thông tư 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường) theo lộ trình quy định.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

a. Các nguồn phát sinh có hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi (nguồn số 01) được thu gom về 01 hệ thống xử lý khí thải, công suất 25.000m³/giờ để xử lý; sau đó thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống thoát khí thải kích thước Ø750mm, cao khoảng 18m tính từ mặt đất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải lò hơi → Cyclon lắng bụi → Tháp dập bụi → Quạt hút → Ống khói → Khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường được xả thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 25.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Ca(OH)₂.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các thiết bị thu gom chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, nhà máy cho ngừng vận hành ngay lập tức các dây chuyền sản xuất tương ứng với hệ thống xử lý khí thải bị sự cố. Phối hợp với các cơ quan chức năng để khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Không quá 6 tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 Hệ thống xử lý khí thải lò hơi với công suất 25.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi với công suất 25.000 m³/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.4 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Khoản 7 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm e, khoản 8, Điều 1 Thông tư 07/2025/BTNMT ngày 28/2/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 135 /GPMT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Trảng Bom)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Máy trộn xường sản xuất miến;
- Nguồn số 02: Máy trộn xường sản xuất mì;
- Nguồn số 03: Khu vực lò hơi 10 tấn/giờ;
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

- + Nguồn số 01: Tọa độ X = 1211729.436, Y = 422379.961.
- + Nguồn số 02: Tọa độ X = 1211548.915, Y = 422318.207.
- + Nguồn số 03: Tọa độ X = 1211767.644, Y = 422333.902.
- + Nguồn số 04: Tọa độ X = 1211642.581, Y = 422338.162.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

STT	Khu vực	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	55	45
2	Khu vực thông thường	70	55

2.2. Độ rung:

STT	Khu vực	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB	
		Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ
1	Khu vực đặc biệt	60	55
2	Khu vực thông thường	70	60

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tại chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 136 /GPMT-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Trảng Bom)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Khối lượng phát sinh: 106.710 kg/năm

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Giẻ lau dính thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	1.500	NH
2	Dầu nhớt thải	17 02 04	Lỏng	70	NH
3	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	800	KS
4	Pin, acquy, chì thải	19 06 01	Rắn	15	NH
5	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	Rắn	15	NH
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	850	KS
7	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	18 01 04	Rắn	1.200	KS
8	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	60	KS
9	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	38.400	KS
10	Bùn, cặn từ hệ thống xử lý khí thải	04 02 03	Rắn/lỏng	63.800	KS
Tổng			-	106.710	-

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh: 189.171 (kg/năm)

STT	Phân loại CTRCNTT	Mã chất thải	Khối lượng (Kg/năm)	Ký hiệu phân loại
-----	-------------------	--------------	---------------------	-------------------

STT	Phân loại CTRCNTT	Mã chất thải	Khối lượng (Kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Giấy vụn, bao bì, thùng carton	18 01 05	68.055	TT-R
2	Nguyên liệu, sản phẩm rơi vãi, hư hỏng trong quá trình sản xuất	14 04 03	102.066	TT-R
3	Tro bay, xỉ đáy lò hơi	04 02 06	15.000	TT
4	Pallet gỗ hỏng	11 02 02	50	TT-R
5	Dầu chiên đã qua sử dụng	12 06 11	4.000	TT
Tổng cộng		-	189.171	-

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng phát sinh: 60 (tấn/năm)

STT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng xin cấp phép
1	Chất thải thực phẩm	Tấn/năm	36
2	Chất thải sinh hoạt còn lại khác	Tấn/năm	24

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Diện tích khu vực lưu chứa: 15 m².
- Thiết bị lưu chứa: Các thùng, can có nắp đậy
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kho lưu giữ chất thải nguy hại trong nhà có tường bao và mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm, có rãnh và hồ thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã chất thải nguy hại, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa chất thải nguy hại được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như can nhựa chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Diện tích khu vực lưu chứa đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông chống thấm và mái che. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao chứa chuyên dụng, có nắp đậy.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Diện tích khu vực lưu chứa đối với chất thải rắn sinh hoạt: 15 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông chống thấm, mái che, vách được xây bằng gạch và các tấm panel. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.
- Thiết bị lưu chứa: để trong các thùng chứa 120 lít có nắp đậy.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.
- Lắp đặt phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.
- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình phân loại chất thải rắn tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn công nhân viên thực hiện phân loại triệt để toàn bộ chất thải rắn phát sinh theo quy định.



Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 135H /GPMT-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2025 của UBND huyện Trảng Bom)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện theo quyết định duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

4. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh Công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá

trình thực hiện.

8. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

9. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

11. Thực hiện quản lý sử dụng đất, trình tự thủ tục xây dựng, PCCC theo quy định pháp luật hiện hành.

12. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.



Gia Định – Bình Tây Trảng Bom – Rnh

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 2305/HĐ.MTĐT-NH/24.1.VX

Về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

Căn cứ Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Bộ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị Định, Thông Tư, các Văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Căn cứ Giấy phép Môi trường do Tổng cục Môi trường cấp ngày 30/6/2023 số 220/GPMT-BTNMT;

Căn cứ bản cam kết khối lượng thải chất thải nguy hại ngày 14/06/2024 của Chi nhánh Trảng Bom – Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây

Hôm nay, ngày 14 tháng 06 năm 2024, chúng tôi đại diện hợp pháp của:

Bên A : CHI NHÁNH TRẮNG BOM – CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÌNH TÂY

Địa chỉ : Khu 1, ấp An Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 0902836719

Mã số thuế : 0301665671 - 005

Đại diện : Bà LÊ THỊ GIÀU

Chức vụ: Giám đốc

Bên B : CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM

Địa chỉ : 42 - 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : 3996 6834 – 3829 1975

Fax: 3996 8926 - 3829 6680

MST : 0300 438 813

Số TK : 114 00000 4523

Ngân hàng : Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM

Đại diện : Ông NGUYỄN TĂNG HẢI

Chức vụ: Phó Giám Đốc

(Căn cứ Giấy ủy quyền số 07 /GUQ-MTĐT ngày 05/01/2024 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công Ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM)

Hai bên đồng ý và thống nhất ký kết hợp đồng với các điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG DỊCH VỤ - GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

1.1 Nội dung dịch vụ

Bên B nhận hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác nguy hại (sau đây được viết tắt là “CTNH”) cho bên A với chi tiết như sau:

1.1.1 Tần suất thu gom: 01 lần/năm, Bên A chủ động báo cho Bên B trước 1 tuần làm việc về bộ phận thu gom.

1.1.2 Địa điểm thu gom: Khu 1, ấp An Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

1.1.3 Khi Bên A có những CTNH phát sinh ngoài danh mục thì phải báo cho Bên B trước để thống nhất phương án, giá xử lý và cùng ký Phụ lục bổ sung hợp đồng.

1.1.4 Thông tin liên lạc:

Bên A:

- Anh Danh - 0913916334
- Thông tin nhận hóa đơn điện tử: hoadondientu@binhtayfood.com

Bên B:

- Bộ phận hoá đơn, chứng từ: Chị Thuỷ – 0902310874
- Bộ phận hợp đồng và thu gom: Chị Trúc – 0906906968

1.1.5 Phương tiện vận chuyển: Xe chuyên dùng ngành vệ sinh đô thị (do Bên B vận chuyển)

1.1.6 Nơi xử lý CTNH: Khu xử lý chất thải nguy hại trực thuộc Công Ty Môi Trường Đô Thị Thành Phố.

ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Danh mục chất thải nguy hại được nêu ở bảng sau:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Đơn vị tính
		Rắn	Lỏng	Bùn		
1	Dầu thải từ xường mì, miễn		x		170703	Kg
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác		x		170204	Kg
3	Bao bì mềm thải	x			180101	Kg
4	Pin, ắc quy thải	x			190601	Kg
5	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			160106	Kg
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			180201	Kg
7	Hộp mực in thải	x			080204	Kg
8	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	x			120104	Kg
9	Chất thải y tế	x			130101	Kg
10	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		x		170203	Kg

Ghi chú:

- Mã CTNH được ký hiệu theo hướng dẫn của Thông tư về quản lý CTNH hiện hành TT-BTNMT.
- Chủ nguồn thải cần trang bị kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa CTNH theo đúng hướng dẫn của Thông tư về quản lý CTNH hiện hành TT-BTNMT.

2.2 Giá trị hợp đồng: Khoản 10.800.000 đồng/năm/01lần

Ghi chú:

- Khối lượng khoán là 120 kg/lần. Trong đó khối lượng bóng đèn không vượt quá 30 kg/lần. Nếu khối lượng thực tế nhiều hơn khối lượng khoán thì mỗi kg chất thải phát sinh sẽ được tính với đơn giá là 30.000 đồng/kg. Riêng bóng đèn được tính với giá 50.000 đồng/kg;
- Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT (theo qui định của Nhà nước tại thời điểm xuất hóa đơn).

2.3 Phương thức nghiệm thu, thanh toán:

- Phương thức nghiệm thu:
 - Sau mỗi đợt chuyển giao khối lượng CTNH cụ thể, hai bên lập biên bản đối chiếu xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện vào Biên bản giao nhận CTNH. Trên cơ sở đó tính toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH phát sinh (nếu có).
 - Chi phí xử lý phát sinh quy định ở mục 2 của điều 2 sẽ được thanh toán trong vòng 45 ngày kể từ ngày bên B lập Giấy đề nghị thanh toán và bên Bên A nhận được Hóa đơn tài chính từ Bên B.
- Phương thức thanh toán:
 - Bên A phải thanh toán 100% giá trị hợp đồng khoán với số tiền là 10.800.000 đồng (Bằng chữ: Mười triệu tám trăm nghìn đồng) ngay sau khi ký kết hợp đồng.
 - Hóa đơn tài chính sẽ được bên B chuyển giao cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên A thanh toán cho bên B.
 - Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản số 114000004523 – Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.
 - Khi thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, Bên A chịu phí khi chuyển khoản và ghi đầy đủ nội dung chuyển khoản theo cú pháp như sau: “Công Ty ... thanh toán Hợp đồng số ... (hoặc hóa đơn số) ... Về việc ...
 - Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN

3.1 Trách nhiệm của bên A

- 3.1.1 Bên A phải cung cấp bản sao Sổ chủ nguồn thải, chứng từ QLCTNH và các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu.
- 3.1.2 Nơi lưu giữ CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy, mỗi loại CTNH phải được lưu giữ vào phương tiện chứa CTNH riêng biệt bảo đảm không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng. Có trách nhiệm bảo quản thùng chứa CTNH thuê của Bên B (nếu có).
- 3.1.3 Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu Bên A. Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của bên B.
- 3.1.4 Thông báo cho Bên B biết trước trong trường hợp khối lượng CTNH tăng để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom. Chi phí phát sinh do Bên A chịu.
- 3.1.5 Bên A chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của nội dung hợp đồng đã ký.
- 3.1.6 Bên A tuyệt đối không được sử dụng hợp đồng này để ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý khác.
- 3.1.7 Bên A phải giao đúng khối lượng và chủng loại phát sinh tại chủ nguồn thải.
- 3.1.8 Bàn giao CTNH đúng thời hạn theo hợp đồng. Thời điểm cuối cùng bên A chuyển giao CTNH phải trước 30 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng để hai bên có đủ thời gian hoàn thiện giấy tờ pháp lý liên quan.
- 3.1.9 Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.

- 3.1.10 Thanh toán chi phí thực hiện đúng thời hạn theo Điều 2.
- 3.2 **Trách nhiệm của bên B**
- 3.2.1 Bên B phải ký chứng từ CTNH, biên bản giao nhận CTNH trên mỗi chuyến.
- 3.2.2 Bên B phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu.
- 3.2.3 Bên B phải vận chuyển, xử lý CTNH cho Bên A theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.
- 3.2.4 Bên B sẽ thu gom CTNH của Bên A được chứa trong thùng 240L hoặc vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa CTNH, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý CTNH của Bên B.
- 3.2.5 Bên B đảm bảo thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH của Bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- 3.2.6 Trong trường hợp xe hư hỏng Bên B sẽ sắp xếp (bố trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (trong vòng 48h).
- 3.2.7 Nếu Bên B không tiếp nhận chất thải theo như trong hợp đồng mà không thông báo trước cho Bên A thì Bên B sẽ hoàn trả lại 100% chi phí bên B đã nhận của bên A trước đó.
- 3.2.8 Bên B từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên A giao CTNH không đúng theo nội dung hợp đồng.
- 3.2.9 Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.
- 3.2.10 Có quyền từ chối tiếp nhận vận chuyển nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời gian hợp đồng theo Điều 2.

ĐIỀU 4: GIẢI QUYẾT CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH

- 4.1 Đối với Bên A, trong trường hợp ngưng hoạt động hoặc lượng chất thải nguy hại tăng quá nhiều cần phải báo ngay cho Bên B ngưng hoặc điều động thêm xe, thêm chuyến để giải quyết CTNH ngoài định kỳ đã được quy định ở Điều 1 (Báo trước 01 ngày về số điện thoại liên lạc tại Mục 1.1.4).
- 4.2 Đối với Bên B, trong trường hợp máy móc gặp sự cố bất thường, cần phải thông báo ngay cho Bên A và tìm biện pháp giải quyết kịp thời không để CTNH ứ đọng làm vệ sinh, môi trường trong khu vực của Bên A.

ĐIỀU 5: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày 14/06/2024 đến ngày 14/06/2025.
- 5.2 Hợp Đồng này sẽ chấm dứt trước thời hạn trong những trường hợp sau:
- 5.2.1 Nếu các bên đồng ý chấm dứt bằng văn bản.
- 5.2.2 Nếu bất cứ vi phạm trách nhiệm theo điều 3 không được khắc phục trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khắc phục từ Bên không vi phạm.
- 5.2.3 Bên A vi phạm điều khoản thanh toán theo Điều 2.
- 5.2.4 Trong vòng 06 tháng liên tục nếu bên A không bàn giao CTNH cho bên B.
- 5.3 Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng Bên không vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng bằng cách gửi văn bản thông báo cho Bên vi phạm và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.
- 5.4 Bên B sẽ không hoàn trả số tiền bên A thanh toán trước (nếu có) nếu bên A vi phạm và hợp đồng chấm dứt trước thời hạn.



ISO 45001
Occupational
Health and Safety
Management
CERTIFIED

Gia Định – Bình Tây Trảng Bom – Rnh

- 5.5 Trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo cho bên kia biết trước 01 (một) tháng.

ĐIỀU 6: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 6.1 Trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
- 6.2 Trường hợp không đạt thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của Nước CHXHCN Việt Nam.

ĐIỀU 7: BẤT KHẢ KHÁNG

- 7.1 Bất khả kháng là những sự kiện khách quan nằm ngoài sự kiểm soát của các bên bao gồm nhưng không giới hạn ở: dịch bệnh, động đất, bão, lũ lụt, gió lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hay đe dọa chiến tranh... hoặc các thảm họa khác không thể lường trước được; hoặc sự thay đổi của luật pháp bởi chính quyền Việt Nam.
- 7.2 Khi một bên không thể thực hiện tất cả hay một phần của nghĩa vụ Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng gây ra một cách trực tiếp, Bên này sẽ không được xem là vi phạm Hợp đồng nếu đáp ứng được tất cả những điều kiện sau:
- 7.3 Bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp của sự gián đoạn hoặc trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ; và
- 7.4 Bên bị gặp phải sự kiện bất khả kháng đã nỗ lực để thực hiện nghĩa vụ của mình và giảm thiểu thiệt hại gây ra cho Bên kia bởi sự kiện bất khả kháng; và
- 7.5 Tại thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên kia cũng như cung cấp văn bản thông báo và giải thích về lý do gây ra sự gián đoạn hoặc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ.

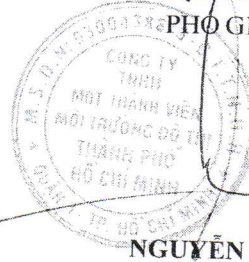
ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 8.1 Hai bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và hai bên cùng có lợi.
- 8.2 Hợp đồng này tự thanh lý khi không còn bất kì tồn đọng, vướng mắc nào và hết thời hạn hiệu lực hợp đồng theo Điều 5.
- 8.3 Hợp đồng này được thành lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Mỗi bên giữ ba (03) bản có giá trị pháp lý như nhau.
- 8.4 Hợp đồng này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các chữ ký, con dấu của hai bên.

ĐẠI DIỆN BÊN A



**ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN TĂNG HẢI

27/22/6/24

Đã nhận văn bản
Chính của H. này

02/01/2025 - 31/12/2025

HTX THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
HÒA PHÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



Tây Hòa, ngày 02 tháng 01 năm 2025

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

Căn cứ bộ luật dân sự 33/2005/GH11 đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 4/06/2005.

Hôm nay ngày 02 tháng 01 năm 2025 tại văn phòng HTX TM DV Hòa Phát

Chúng tôi gồm có: Đại diện hai đơn vị

Bên A: (Đơn vị thu gom rác): Hợp tác xã TM DV HÒA PHÁT

Địa chỉ: Chợ Lộc Hòa, ấp Lộc Hòa, Tây Hòa, Trảng Bom, Đồng Nai

Điện thoại: 0936283767, MST:3600969338, TK 5905201001375- Tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh Trảng Bom.

Người đại diện: Ông Trần Quốc Hùng, Chức vụ: Giám đốc

Bên B: Chi nhánh Trảng Bom- CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM BÌNH TÂY.

Địa chỉ: Khu 1, ấp An Hòa, xã Tây Hòa, Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Ngành nghề, kinh doanh, dịch vụ (nếu có):

Người đại diện: Bà: Lê Thị Giàu, chức vụ: Giám Đốc

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt với những điều khoản và điều kiện như sau:

Điều 1: Nội dung và thời hạn hợp đồng:

Bên B: đồng ý giao cho bên A thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến nhà máy xử lý chất thải Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai từ ngày 02/01/2025 đến 31/12/2025.

Phương tiện vận chuyển loại xe ép biển số 60C-675.72

- Tần suất thu gom: 02 lần /tuần vào các ngày thứ hai và thứ năm

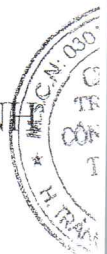
- Thời hạn hợp đồng: 1 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng, việc ký kết tiếp hợp đồng sẽ được xem xét và ký kết trước khi hợp đồng cũ hết hạn 30 ngày.

Điều 2: Trách nhiệm của các bên:

Bên A:

- Thực hiện đúng như điều 1

- Bên A có trách nhiệm thực hiện việc thu gom, vận chuyển rác thải rắn sinh hoạt đảm bảo an toàn không làm rơi vãi gây ảnh hưởng đến môi trường.



- Trong trường hợp phương tiện hư hỏng hoặc có xảy ra vấn đề gì mà bên A không thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của bên B theo đúng tần suất, phải thông báo cho bên B biết và tìm biện pháp giải quyết kịp thời, không để ứ đọng rác làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực.

Bên B:

- Thực hiện đúng như điều 1
- Thu gom, phân loại và lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt để trong các thùng chứa có nắp đậy, hoặc bao bì đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, lưu giữ nơi thuận tiện cho xe của bên A đến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đi xử lý.

- Thanh toán chi phí cho việc thu gom chất thải hàng tháng cho bên A số tiền mỗi tháng là: 2.000.000đ (Hai triệu đồng, chưa tính thuế) sau khi nhận hóa đơn của bên A.

- Báo cho bên A trước trong trường hợp khối lượng chất thải tăng để bên A có kế hoạch điều động phương tiện đến thu gom, chi phí phát sinh bên B chịu.

- Trong trường hợp bên A không thu gom chất thải của bên B trong thời gian 1 tuần, gây ứ đọng rác làm ảnh hưởng đến môi trường khu vực mà không thông báo cho bên B biết và không có biện pháp khắc phục kịp thời thì bên B có quyền đơn phương hủy hợp đồng và tìm đơn vị khác đến thu gom chất thải rắn sinh hoạt của bên B.

Điều 3: Cam kết chung

Hai bên cam kết thực hiện đúng theo những điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề gì phát sinh hai bên sẽ thông báo cho nhau để cùng giải quyết, bên nào đơn phương vi phạm hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Hợp đồng này được lập thành 2 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 1 bản.

Đại diện bên B

Giám Đốc



LÊ THỊ GIÀU



Đại diện bên A

Giám Đốc

Trần quốc Hùng

Số: 136 /TD-PCCC

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 02-CV-BT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của: Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây;

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Lê Thị Giàu, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

**PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN:**

Tên công trình: Cải tạo nhà máy Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây.

Địa điểm xây dựng: Khu 1, ấp An Hòa, xã Tây Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây.

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH Kiến Trúc Home; Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ The Wall.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

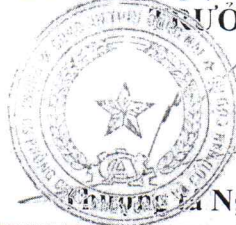
Đường giao thông cho xe chữa cháy, khoảng cách an toàn phòng cháy và chữa cháy đối với các công trình xung quanh; Bậc chịu lửa, hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ và bố trí công năng của công trình liên quan đến công tác phòng cháy và chữa cháy; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Giải pháp thoát nạn; Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống cấp nước chữa cháy; Hệ thống chữa cháy bằng nước; Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn; Phương tiện chữa cháy; Giải pháp cấp điện cho hệ thống phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật có liên quan về phòng cháy và chữa cháy.

Quy mô công trình và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Thực phẩm Bình Tây;
- C07 (để báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

Đồng Nai, ngày 24 tháng 06 năm 2025



TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Danh Hương

QUY MÔ CÔNG TRÌNH VÀ DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy

số 136 /TD-PCCC, ngày 24 / 08 / 2025 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai)

TT	Nội dung	Ghi chú
I	QUY MÔ CÔNG TRÌNH	
	* Quy mô công trình Công trình Cải tạo nhà máy Công ty Cổ phần Thực Phẩm Bình Tây được xây dựng trên khu đất có diện tích 70.663,1m² với các hạng mục gồm: - Nhà xưởng số 5 có diện tích xây dựng 7.140m², tổng diện tích sàn xây dựng 10.186m², số tầng: 03 tầng, bậc chịu lửa IV, hạng nguy hiểm cháy E; - Nhà bơm có diện tích xây dựng 16m², số tầng: 01, bậc chịu lửa III; - Bể nước ngầm có diện tích 54m². * Phương tiện, hệ thống PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác liên quan đến PCCC - Hệ thống cấp nước chữa cháy + Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà gồm các trụ nước chữa cháy hiện hữu. + Trạm bơm cấp nước chữa cháy hiện hữu có 01 máy bơm chính động cơ điện có lưu lượng thiết kế Q=280m³/h, cột áp thiết kế H=75m.c.n; 01 máy bơm dự phòng động cơ diesel có lưu lượng thiết kế Q=280m³/h, cột áp thiết kế H=75m.c.n; 01 máy bơm bù áp động cơ điện có lưu lượng thiết kế Q=5m³/h, cột áp thiết kế H=85m.c.n và bể nước dự trữ chữa cháy hiện hữu có thể tích V=630m³. + Trạm bơm cấp nước chữa cháy mới có 01 máy bơm chính động cơ điện có lưu lượng thiết kế Q=150m³/h, cột áp thiết kế H=75m.c.n; 01 máy bơm dự phòng động cơ diesel có lưu lượng thiết kế Q=150m³/h, cột áp thiết kế H=75m.c.n; 01 máy bơm bù áp động cơ điện có lưu lượng thiết kế Q=8,6m³/h, cột áp thiết kế H=85m.c.n và bể nước dự trữ chữa cháy mới có thể tích V=162m³. - Hệ thống chữa cháy bằng nước gồm hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy tự động sprinkler lắp đặt tại nhà xưởng số 5 được cấp nước từ đường ống của hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà. - Hệ thống báo cháy tự động lắp đặt tại nhà xưởng số 5 và 01 tủ trung tâm báo cháy 15 kênh được đặt tại nhà bảo vệ hiện hữu. - Phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn gồm đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn, sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn. - Phương tiện chữa cháy gồm các bình chữa cháy và dụng cụ phá dỡ thô sơ.	
II	DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ	
1	Thuyết minh thiết kế thể hiện những nội dung về phòng cháy và chữa cháy	
2	Bản vẽ thiết kế thể hiện những nội dung về phòng cháy và chữa cháy	
Mã hồ sơ tại Cổng Dịch vụ công Bộ Công an: G01.895.307.000-250619-00034		

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.